TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2020/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 27 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai V, sinh năm: 1995. Địa chỉ: khu phố Lò Bom, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: A Trần Hoàng A, sinh năm: 1983. Địa chỉ: khu phố Tám Tớc, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mai V và anh Trần Hoàng A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mai V và anh Trần Hoàng A chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/5/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Mai V, anh Hoàng A đã thuận tình ly hôn và Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

Về con chung: Chị Mai V, anh Hoàng A có 02 người con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 19/4/2012 và Trần Anh K, sinh ngày 25/8/2015. Ghi nhận sự

thỏa thuận của anh, chị về việc giao cháu Anh K cho chị Mai V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Anh T cho anh Hoàng A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Việc thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu Anh T nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Chị Mai V, anh Hoàng A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Anh, chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh, chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Mai V chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí chị Mai V phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000071 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa chị Mai V được nhận lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND thị trấn K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho